TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

# Điểm chuẩn Học viện Ngân hàng cao nhất 28,13

19:25 17/08/2024

Học viện Ngân hàng (BAV) công bố điểm chuẩn xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, cao nhất là ngành Luật Kinh tế với 28,13 điểm.

Học viện Ngân hàng chiều 17/8 công bố điểm chuẩn với hai nhóm.

Với nhóm theo thang điểm 30, điểm trúng tuyển từ 25,6 đến 28,13. Ngành Luật kinh tế cao nhất - 28,13, tăng 1,63 điểm so với năm ngoái. Với mức này, trung bình mỗi môn thí sinh phải đạt hơn 9 điểm mới đỗ.

Nhiều ngành khác lấy trên 26 như: Kinh doanh quốc tế, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Ngân hàng, Ngân hàng số, Kinh tế đầu tư, Quản trị kinh doanh, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Ngành Quản trị Kinh doanh liên kết quốc tế thấp nhất - 23.

Với nhóm xét theo thang 40 (môn Toán nhân hệ số 2), ngành Tài chính có điểm trúng tuyển cao nhất - 34,2, trung bình thí sinh phải đạt 8,5 điểm một môn.

Điểm chuẩn các ngành của Học viện Ngân hàng năm 2024 như sau:

| Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Tổ hợp xét tuyển | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|
| **Chương trình đào tạo Chất lượng cao (Thang điểm 40 trong đó nhân đôi điểm đối với môn Toán)** | | | |
| ACT01 | Kế toán (Chương trình Chất lượng cao) | A00, A01, D01, D07 | 34 |
| BANK01 | Ngân hàng (Chương trình Chất lượng cao) | A00, A01, D01, D07 | 34 |
| BANK06 | Ngân hàng và Tài chính quốc tế (Chương trình Chất lượng cao) | A00, A01, D01, D07 | 33,8 |
| BUS01 | Quản trị kinh doanh (Chương trình Chất lượng cao) | A00, A01, D01, D07 | 33,9 |
| BUS06 | Marketing số (Chương trình Chất lượng cao) | A00, A01, D01, D07 | 34 |
| ECON02 | Kinh tế đầu tư (Chương trình Chất lượng cao) | A01, D01, D07, D09 | 34 |
| FIN01 | Tài chính (Chương trình Chất lượng cao) | A00, A01, D01, D07 | 34,2 |
| IB04 | Kinh doanh quốc tế (Chương trình Chất lượng cao) | A01, D01, D07, D09 | 33,9 |
| **Chương trình đào tạo Chuẩn (Thang điểm 30)** | | | |
| ACT02 | Kế toán | A00, A01, D01, D07 | 26,25 |
| ACT04 | Kiểm toán | A00, A01, D01, D07 | 26,5 |
| BANK02 | Ngân hàng | A00, A01, D01, D07 | 26,2 |
| BANK03 | Ngân hàng số | A00, A01, D01, D07 | 26,13 |
| BUS02 | Quản trị kinh doanh | A00, A01, D01, D07 | 26,33 |
| BUS03 | Quản trị du lịch | A01, D01, D07, D09 | 25,6 |
| ECON01 | Kinh tế đầu tư | A01, D01, D07, D09 | 26,05 |
| FIN02 | Tài chính | A00, A01, D01, D07 | 26,45 |
| FIN03 | Công nghệ tài chính | A00, A01, D01, D07 | 26 |

**PV**